

# CUNG ỨNG NGUỒN LỰC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO THẾ HỆ TRẺ

ThS. NGUYỄN THỊ DIỆU NGỌC \*

**Abstract:** To enhance quality of human resource and preserve national cultural tradition in the context of international integration, communication of worth living values to students in universities and schools should be much considered in terms of human resource and materials. The article proposes some solutions to facilitate communication of life values to the young generation in the current period.

**Keywords:** Solutions, human resources, facilities, educational communication, life values.

1. *Truyền thông giáo dục (TTGD) giá trị sống (GTS)* giúp mọi người có kiến thức tối thiểu và cơ bản nhất về GTS của con người, quốc gia, dân tộc thông qua ba lĩnh vực chủ yếu là: *giáo dục kiến thức, giáo dục thái độ và hành động của mỗi người* trong thực hiện hệ giá trị. Trong bối cảnh truyền thông trở thành “làng toàn cầu” và sự phát triển của môi trường truyền thông số hiện nay, báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng (TTĐC) đang là công cụ quan trọng với phương thức đặc thù trong giáo dục GTS, đặc biệt là với thế hệ trẻ Việt Nam.

*Quản lý TTGD GTS* được hiểu là một quá trình có kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra nhằm tạo ra sự thống nhất giữa chủ thể quản lý (hiệu trưởng, nhà trường, các phương tiện truyền thông...) với các khách thể quản lý, bao gồm các lực lượng tham gia giáo dục GTS như thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên, giáo viên và lực lượng xã hội ngoài nhà trường, đoàn thể xã hội (trong đó có TTĐC) để đạt tới việc thực hiện có hiệu quả giáo dục GTS.

## 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến TTGD GTS trên các phương tiện TTĐC

2.1. *Yếu tố con người.* Trong TTGD GTS, yếu tố con người hết sức quan trọng; đây là hạt nhân truyền tải các thông tin TTGD GTS tới các đối tượng tiếp nhận. Nếu người thực hiện có trí tuệ, nhạy bén, sáng tạo, cập nhật thông tin mang tính thời sự, khai thác nhiều khía cạnh sẽ mang tới cho độc giả cái nhìn trung thực, tổng quan về vấn đề đặt ra thì tâm ảnh hưởng về nhận thức của độc giả sẽ đem lại cho xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ những định hướng giá trị đúng đắn.

2.2. *Yếu tố cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, kinh phí thực hiện:*

- *Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật.* Hiện nay,

các kỹ thuật TTGD GTS có những ảnh hưởng mạnh mẽ. Bên cạnh sự cải tiến không ngừng về tốc độ, dung lượng, tính đa dạng, các phương tiện TTĐC tăng nhanh khả năng chuyển tải lần chất lượng kỹ thuật đem lại hiệu quả giáo dục GTS nhanh và đa dạng, như: phong chiếu, máy tính, bài giảng số hóa...

- *Kinh phí thực hiện:* Để đáp ứng được nhu cầu phát triển, kinh phí hoạt động trở thành mối quan tâm đối với các phương tiện TTĐC và có những ảnh hưởng trực tiếp nhất định đến việc lựa chọn, mua và bổ sung các nguồn tài nguyên thông tin, phương tiện kỹ thuật, cơ sở hạ tầng đưa vào phục vụ.

## 3. Phát triển nguồn lực đảm bảo thực hiện TTGD GTS

### 3.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực TTGD GTS:

3.1.1. *Nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ lãnh đạo, quản lý.* Cán bộ lãnh đạo, quản lý báo chí phải có tri thức, hiểu biết về báo chí, giáo dục GTS, có kinh nghiệm thực tế; phải có chính sách đào tạo và đào tạo lại có chọn lọc những người lãnh đạo, quản lý báo chí để đáp ứng yêu cầu mới của báo chí (thực hiện chức năng phản biện xã hội, định hướng xây dựng giá trị cho lớp trẻ...). Bên cạnh đó, người quản lý cần có nhân cách, đạo đức, khả năng tập hợp, động viên tập thể cùng vì mục đích chung. Trong quan hệ với cán bộ, nhân viên đội ngũ lãnh đạo, quản lý cần có thái độ, cách ứng xử, điều hành công việc rõ ràng, công bằng, đúng mực, linh hoạt trong việc vận dụng cơ chế khen thưởng, xử phạt; tạo điều kiện giúp đỡ cấp dưới phát triển; tôn trọng, lắng nghe đội ngũ nhân viên góp ý để nội dung tuyên truyền giáo dục GTS được hiệu quả.

\* Báo Giáo dục và Thời đại

3.1.2. *Nâng cao năng lực đội ngũ phóng viên, biên tập viên (BTV)*. Viết về giáo dục GTS, đội ngũ phóng viên, BTV không chỉ cần có kiến thức về báo chí mà còn cần những kiến thức sâu rộng về giáo dục, văn hóa, xã hội, cũng như am hiểu về tình hình địa phương nơi họ đến công tác, do vậy, trình độ văn hóa của phóng viên, BTV luôn cần được làm phong phú, đa dạng thêm. Do vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí cho đội ngũ người làm báo là rất cần thiết. Lãnh đạo các cơ quan báo chí cần khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, phóng viên, BTV luôn được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, cũng như mở rộng tầm hiểu biết qua các khóa học ngắn hạn và dài hạn; đồng thời, khuyến khích “người làm báo” tự bồi dưỡng, tự học, tự đào tạo để không ngừng hoàn thiện chuyên môn của mình.

3.1.3. *Mở rộng đội ngũ cộng tác viên*. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên, chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lí... cần được quan tâm thường xuyên, có kế hoạch hoạt động trước mắt cũng như lâu dài, đảm bảo cho đội ngũ này có điều kiện định hướng và cập nhật thông tin, tư liệu. Việc xây dựng được đội ngũ cộng tác viên am hiểu về khoa học chính trị, nghiệp vụ báo chí, nhiệt tình, yêu nghề và có khả năng cung cấp thông tin, viết bài, trả lời phỏng vấn, tư vấn tâm lí học đường... (những vấn đề liên quan đến nội dung giáo dục GTS cho thế hệ trẻ) là cơ sở để nâng cao chất lượng và uy tín của tờ báo. Đội ngũ cộng tác viên luôn gắn với thực tiễn và trải rộng trên các lĩnh vực, vùng, miền; nhờ đó, những thông tin, tư liệu không những kịp thời mà còn tương đối toàn diện.

Tuy nhiên, chất lượng thông tin của đội ngũ cộng tác viên không chỉ phụ thuộc vào bản thân họ mà còn phụ thuộc rất nhiều vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của ban biên tập và người đứng đầu tòa báo. Việc chăm lo, nâng cao năng lực làm báo, trách nhiệm và nghĩa vụ công dân đối với những người làm báo nói chung và đội ngũ cộng tác viên nói riêng là một trong những công việc đòi hỏi người lãnh đạo, quản lí không chỉ quan tâm mà còn phải thường xuyên đổi mới, sáng tạo để đưa ra những giải pháp mang lại hiệu quả cao; cần kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân có những phát hiện, tin, bài hay, có giá trị trong việc tuyên truyền giáo dục GTS cho thế hệ trẻ.

3.1.4. *Đẩy mạnh nghiên cứu tổng kết thực tiễn, xây dựng và hoàn thiện các cơ sở khoa học cho TTGD GTS*. Cơ quan quản lí và cơ quan báo chí cần nghiên cứu, tổng kết thực tiễn hoạt động của TTGD GTS trên báo nhằm chỉ ra những kết quả đạt được, những tồn

tại, hạn chế và các vấn đề mới của TTGD GTS; từ đó, hình thành các luận cứ khoa học và nâng cao chất lượng truyền thông trong lĩnh vực này. Từ những ý kiến của bạn đọc, góp ý về giáo dục GTS tại các cơ sở giáo dục và nội dung truyền thông đề tài này trên báo; tạo thành tập hợp các ý kiến có cơ sở khoa học tham gia tích cực vào TTGD GTS. Đồng thời, cần tổ chức những hội thảo chuyên đề, tọa đàm, lấy ý kiến các nhà khoa học góp ý để xây dựng cơ sở khoa học cho nội dung TTGD GTS.

### **3.2. Hoàn thiện chế độ chính sách đảm bảo TTGD GTS cho thế hệ trẻ:**

3.2.1. *Hoàn thiện chính sách quản lí*: Tăng cường sự phân cấp trong quản lí và tổ chức các hoạt động TTGD GTS, đáp ứng nhu cầu thông tin của độc giả nói chung, thế hệ trẻ nói riêng. Trong quá trình quản lí và tổ chức cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục và báo và các cơ quan truyền thông. Mọi cơ chế về TTGD GTS đều có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, định hướng các GTS cho thế hệ trẻ nhưng chúng không thể hoạt động riêng biệt; việc kết hợp và cân bằng các có hội đó sẽ tạo nên hiệu quả cao nhất.

Cần xây dựng khung pháp lí và chiến lược TTGD GTS trên cơ sở có sự chỉ đạo từ cấp trên xuống; có văn bản pháp luật để mọi người làm theo; có các trang thiết bị cần thiết để đưa những thông điệp TTGD GTS đến với học sinh, sinh viên, các nhà trường. Xây dựng chính sách quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng phóng viên, BTV, cộng tác viên tham gia các hoạt động TTGD GTS.

3.2.2. *Khuyến khích phóng viên, BTV, cộng tác viên bằng “cơ chế nhuận bút”*: Lãnh đạo các tòa soạn báo yêu cầu những nhóm thực hiện TTGD GTS đưa ra yêu cầu, kiến nghị về chế độ chính sách và cơ sở vật chất, cùng với sự tư vấn của tổ xây dựng kế hoạch và các phòng ban có liên quan để lãnh đạo xem xét, điều chỉnh và quyết định chế độ thích hợp nhất và cung cấp các cơ sở vật chất cần thiết.

Bên cạnh đó, xây dựng kế hoạch chi tiêu nội bộ hàng năm phải dành lượng kinh phí cho hoạt động chuyên môn TTGD GTS. Để có được đội ngũ phóng viên, BTV, cộng tác viên có “tâm”, có “tầm” và có “tài” thì bên cạnh việc đào tạo và đào tạo lại, cần xây dựng khung nhuận bút hợp lí và chế độ khen thưởng phù hợp. Khuyến khích phóng viên gắn kết với các cơ sở giáo dục, tuyên truyền giáo dục GTS vừa tạo thương hiệu cho nhà trường, vừa tăng lượng phát hành cho báo, nâng cao nguồn thu nhập cho phóng viên.

(Xem tiếp trang 57)

Công tác GDYTTM cho SV Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Đắc Lắc trong những năm gần đây nhìn chung đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục bằng những giải pháp thiết thực. Do đó, để tăng cường công tác GDYTTM cho SV, bên cạnh việc tích cực phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế đã và đang tồn tại, nhà trường cần đẩy mạnh thực hiện một số giải pháp như: xây dựng chính sách xã hội hợp lý, chú ý về nội dung, chương trình giáo dục thẩm mỹ, tổ chức thêm các sân chơi mới và hình thức sinh hoạt mới định hướng giáo dục thẩm mỹ cho SV. Riêng bản thân SV cần tích cực học tập và rèn luyện nâng cao YTTM cho mình. Ngoài ra, cần chú ý đến những yếu tố có ảnh hưởng không kém phần quan trọng trong sự phát triển nhân cách của các em là gia đình, xã hội;

đặc biệt là sự kết hợp giữa giáo dục gia đình - nhà trường - xã hội trong GDYTTM cho SV. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Huy (1985). *Cái đẹp - một giá trị*. NXB Thông tin liên lạc.
- [2] Đặng Vũ Hoạt - Hà Thế Ngữ (1987). *Giáo dục học* (tập 2). NXB Giáo dục.
- [3] Lê Ngọc Trà (chủ biên) (1994). *Mĩ học đại cương*. NXB Văn hóa thông tin.
- [4] Phạm Thị Oanh (2009). *Vai trò của con người trong sự phát triển xã hội theo hướng bền vững*. Tạp chí Triết học, số 8.
- [5] Võ Minh Tuấn (2004). *Tác động toàn cầu hóa đến đạo đức sinh viên hiện nay*. Tạp chí Triết học, số 4.
- [6] Phạm Minh Hạc (2010). *Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] L. X. Vygotsky (1995). *Tâm lí học nghệ thuật*. NXB Khoa học xã hội.

## Cung ứng nguồn lực đáp ứng...

(Tiếp theo trang 51)

3.2.3. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội: Vận động các trung tâm tư vấn tâm lí học đường, các tổ chức hoạt động giáo dục, cơ quan, doanh nghiệp... ủng hộ kinh phí, phối/kết hợp để thực hiện các chuyên đề giáo dục GTS. Ngoài ra, cần huy động sự đóng góp tự nguyện của người dân, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hoạt động TTGD GTS cho thế hệ trẻ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để mỗi tổ chức, cá nhân, mỗi gia đình và mọi người dân (trong đó có học sinh, sinh viên) tích cực tham gia vào các quá trình TTGD GTS cho thế hệ trẻ.

\*\*\*

Công tác TTGD HTS cho học sinh, sinh viên nếu được đầu tư thỏa đáng về mặt nhân lực, vật lực sẽ mang lại những hiệu quả thực tế thiết thực, góp phần giải quyết mọi thách thức của giáo dục GTS; qua đó, đáp ứng yêu cầu phát triển con người toàn diện mang giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Quốc Bảo - Vũ Quốc Chung (đồng chủ biên) (2013). *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lí giáo dục trong thời kì đổi mới*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [2] Phạm Minh Hạc (2010). *Giá trị học - Cơ sở lí luận góp phần đúc kết, xây dựng hệ giá trị chung của con người Việt Nam thời nay*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Phạm Minh Hạc (2013). *Giáo dục giá trị xây dựng văn hóa học đường*. Tạp chí Đại học Sài Gòn, số 17.
- [4] Vũ Đình Hòe (chủ biên) (2000). *Truyền thông đại chúng trong công tác lãnh đạo quản lí*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Nguyễn Công Khanh (chủ biên) (2012). *Giáo dục giá trị sống và phát triển kĩ năng sống*. NXB Hà Nội.
- [6] Trần Ngọc Tăng (2001). *Vai trò truyền thông đại chúng trong giáo dục thẩm mỹ ở nước ta hiện nay*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

## Một số giải pháp nâng cao...

(Tiếp theo trang 44)

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [2] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Quốc hội (2006). *Luật Dạy nghề*. NXB Tư pháp.
- [5] Trần Kiểm (2006). *Tiếp cận hiện đại trong quản lí giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Phạm Minh Hạc (2002). *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỉ XXI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [7] Đặng Hữu (2001). *Phát triển kinh tế tri thức rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.